

BÀI TUYÊN TRUYỀN MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

Ngày 20 tháng 6 năm 2013, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Luật hòa giải ở cơ sở, Luật hòa giải ở cơ sở gồm 05 chương, 33 điều. Ngày 05 tháng 7 năm 2013, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Lệnh công bố Luật hòa giải ở cơ sở. Và luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

UBND, Ban tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật xã Văn Hiến, tỉnh Nghệ An tuyên truyền một số quy định trong Luật hòa giải ở cơ sở như sau:

I. Những nội dung cơ bản của Luật hòa giải ở cơ sở

1. Phạm vi điều chỉnh của Luật

Điều 1 quy định phạm vi điều chỉnh của Luật hòa giải ở cơ sở, theo đó, Luật quy định về nguyên tắc, chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên, tổ hòa giải; hoạt động hòa giải ở cơ sở; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Hòa giải ở cơ sở là hoạt động tự nguyện, tự quản của nhân dân, do nhân dân thực hiện dưới sự quản lý và có sự hỗ trợ của Nhà nước.

2. Phạm vi hòa giải ở cơ sở

- Việc hòa giải ở cơ sở không được ảnh hưởng đến quá trình cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật, không được lợi dụng hòa giải ở cơ sở để trốn tránh trách nhiệm hành chính, hình sự;

- Đối tượng của hòa giải ở cơ sở là các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm mà theo quy định của pháp luật chưa đến mức bị xử lý bằng biện pháp hình sự hoặc biện pháp hành chính;

- Hòa giải ở cơ sở nhằm góp phần làm giảm nguy cơ phát sinh phức tạp từ các tranh chấp, mâu thuẫn; hướng đến xây dựng lối sống văn hóa, chia sẻ, đoàn kết trong cộng đồng dân cư; hạn chế các vụ, việc phải đưa đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Trên cơ sở đó, Điều 3 Luật hòa giải ở cơ sở quy định việc hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật, trừ các trường hợp sau:

- Mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng;
- Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, giao dịch dân sự mà theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự không được hòa giải;
- Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính;
- Mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hòa giải ở cơ sở theo quy định pháp luật.

3. Chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở

Nhằm thể chế, cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật, Luật hòa giải ở cơ sở đã bổ sung quy định về chính sách của Nhà nước đối với công tác hòa giải ở cơ sở, trong đó khuyến khích các bên giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp bằng hình thức hòa giải ở cơ sở và các hình thức hòa giải thích hợp khác; khuyến khích những người có uy tín trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư tham gia hòa giải ở cơ sở và tham gia các hình thức hòa giải



thích hợp khác; Nhà nước có chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở; khuyến khích tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở. Một điểm mới quan trọng của Luật quy định Nhà nước có chính sách để phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác hòa giải ở cơ sở, thể hiện đúng bản chất của hòa giải ở cơ sở là tự nguyện, tự quản.

4. Hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở.

Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở để biên soạn, phát hành tài liệu; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng về hòa giải ở cơ sở; sơ kết, tổng kết, khen thưởng đối với công tác hòa giải ở cơ sở; chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc và hỗ trợ các chi phí cần thiết khác cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.

5. Hòa giải viên.

a) Về tiêu chuẩn hòa giải viên

- Có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư;
- Có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật.

b) Về bầu, công nhận hòa giải viên

- Một là, hòa giải viên do chính người dân ở cơ sở tiến hành bầu, lựa chọn theo đúng tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 sẽ có được sự đồng thuận và ủng hộ tối đa của người dân. Từ đó, hòa giải viên có nhiều thuận lợi trong hoạt động nghiệp vụ của mình.

- Hai là, khi người dân trực tiếp tham gia bầu hòa giải viên, nếu có mâu thuẫn, tranh chấp xảy ra, họ cũng dễ dàng chấp nhận hoặc tự nguyện nhờ hòa giải viên tiến hành hoà giải; hòa giải viên sẽ dễ dàng tiếp cận các bên để tìm hiểu thông tin, phân tích, hướng dẫn các bên tự nguyện hòa giải với nhau hoặc thoả thuận được về việc giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh.

- Ba là, thông qua việc bầu hoà giải viên sẽ giúp cho hòa giải viên nhận thức được ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của việc hòa giải ở cơ sở, từ đó có ý thức nâng cao trách nhiệm của mình.

- Bốn là, qua hoạt động bầu hòa giải viên sẽ góp phần tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người dân.

- Năm là, việc người dân tiến hành bầu hòa giải viên sẽ tạo điều kiện để người dân tham gia, giám sát việc thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở.

Luật quy định cụ thể hình thức tổ chức bầu hòa giải viên thông qua việc tổ chức cuộc họp đại diện các hộ gia đình hoặc phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình trong xóm; người được bầu làm hòa giải viên phải được trên 50% đại diện hộ gia đình trong xóm đồng ý. Trưởng ban công tác Mặt trận lập danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để ra quyết định công nhận hòa giải viên. Quyết định công nhận hòa giải viên được gửi cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng ban công tác Mặt trận, xóm trưởng, hòa giải viên và thông báo công khai ở xóm.

c) Về quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên

Luật đã bổ sung một số quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên, trong đó có quyền được bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải ở cơ sở; được hưởng thù lao khi thực hiện vụ, việc hòa giải; được khen thưởng; được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi

thực hiện hoạt động hòa giải cũng như một số nghĩa vụ cho phù hợp với tình hình mới, khắc phục hạn chế, bất cập của đội ngũ hòa giải viên hiện nay.

6. Tổ hòa giải

Với bản chất là tổ chức tự quản, được thành lập để hòa giải tại chỗ, thường xuyên, kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật trong nhân dân, về cơ bản, địa vị pháp lý, cách thức thành lập tổ hòa giải được kế thừa quy định của Pháp lệnh. Đồng thời, để phù hợp yêu cầu của thực tiễn và đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới, Luật bổ sung quy định về thành phần tổ hòa giải phải có hòa giải viên nữ; đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải cần có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số.

7. Hoạt động hòa giải ở cơ sở

a) Về căn cứ tiến hành hòa giải

Luật hòa giải ở cơ sở quy định căn cứ tiến hành hòa giải đầu tiên là một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải. Quy định này nhằm đề cao tính tự nguyện, chủ động của các bên khi có nhu cầu hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp và vi phạm pháp luật. Ngoài ra, hòa giải viên có thể chủ động tiến hành hòa giải khi trực tiếp chứng kiến hoặc biết về các mâu thuẫn, vi phạm pháp luật và tranh chấp thuộc phạm vi hòa giải; theo phân công của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hòa giải:

Đây là một điểm mới của Luật. Hòa giải viên có quyền lựa chọn, đề xuất hòa giải viên, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải; đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải; yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai; được bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung giải quyết hòa giải, đồng thời hòa giải viên có nghĩa vụ trình bày đúng sự thật các tình tiết của vụ, việc; cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan; tôn trọng hòa giải viên, quyền của các bên có liên quan; không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa điểm hòa giải.

c) Về người được mời tham gia hòa giải:

Luật quy định trong quá trình hòa giải, nếu thấy cần thiết, hòa giải viên và một trong các bên khi được sự đồng ý của bên kia có thể mời người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác tham gia hòa giải. Người được mời tham gia hòa giải phải tuân thủ các nguyên tắc hoạt động hòa giải ở cơ sở. Cơ quan, tổ chức có người được mời tham gia hòa giải có trách nhiệm tạo điều kiện để hòa giải.

d) Về tiến hành hòa giải:

Hòa giải được tiến hành trực tiếp, bằng lời nói với sự có mặt của các bên. Tùy thuộc vào vụ, việc cụ thể, trên cơ sở quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân, hòa giải viên áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm giúp các bên hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong vụ, việc để các bên thỏa thuận việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó. Hòa giải viên có trách nhiệm ghi nội dung vụ, việc hòa giải vào Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở.

đ) Về hòa giải thành



Hòa giải thành là trường hợp các bên đạt được thỏa thuận. Các bên có thể thỏa thuận lập văn bản hòa giải thành gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 24 nhằm giúp hòa giải viên được thuận lợi, thống nhất trong việc lập văn bản hòa giải thành.

e) Về theo dõi, đôn đốc, việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành

Luật bổ sung quy định mới này nhằm bảo đảm cho việc thực hiện kết quả hòa giải được hiệu quả, thiết thực. Hòa giải viên có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành do mình trực tiếp giải quyết; kịp thời thông báo cho tổ trưởng tổ hòa giải đề báo cáo Trường ban công tác Mặt trận những vấn đề phát sinh trong quá trình theo dõi, đôn đốc thực hiện.

g) Về hòa giải không thành

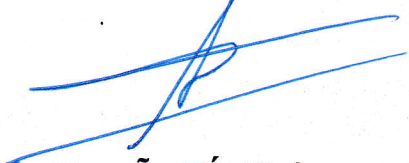
Hòa giải không thành là trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận. Trong trường hợp này, các bên có quyền yêu cầu tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động hòa giải ở cơ sở

Nhằm khẳng định vị trí, vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công tác hòa giải ở cơ sở, cụ thể hóa chính sách phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác hòa giải ở cơ sở, bên cạnh việc quy định cụ thể vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc trong giới thiệu, bầu, công nhận, cho thôi hòa giải viên, củng cố, kiện toàn tổ hòa giải, thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở, theo dõi, đôn đốc các bên thực hiện kết quả hòa giải thành, Luật quy định cụ thể trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận tại Điều 30. Theo đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; vận động tổ chức, cá nhân chấp hành pháp luật, giám sát việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở; phối hợp kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng về hòa giải ở cơ sở. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia tổ chức thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở. Các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, hoạt động hòa giải ở cơ sở cũng như các hoạt động xã hội khác đều phải có sự quản lý của Nhà nước. Tuy nhiên, hoạt động hòa giải ở cơ sở là hoạt động mang tính tự nguyện, tự quản của nhân dân, nên quản lý nhà nước không nhằm hành chính hóa hoạt động này, mà chủ yếu là tạo ra hành lang pháp lý và những điều kiện thuận lợi cho hoạt động này được duy trì, phát triển.

Trên đây là một số quy định trong Luật giải ở cơ sở để cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân trên địa bàn nắm rõ thực hiện./.

NGƯỜI VIẾT BÀI



Nguyễn Tất Ngân
Chuyên viên Văn phòng

DUYỆT BÀI



Nguyễn Văn Quang
CVP PHÒNG HỖND - UBND XÃ